

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS - ST
Ngày: 19/5/2023
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu
2. Bà Võ Thị Luynh Thuý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST – DS ngày 20/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt Ngân hàng A).

Địa chỉ: Số 40-42-44 P H T, phường V T, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T N M – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông P T X - Trưởng phòng KHCN kiêm Trưởng phòng KHDN. Theo Văn bản ủy quyền số 06/UQ – CNLA ngày 14/9/2022 của bà P T H N – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Long An

Địa chỉ chi nhánh: Đường số 1 KCN Thuận Đạo, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông Đ H Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp P, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

(Ông Xuân vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A do ông P T X là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ông Đ H Đ có vay hạn mức thấu chi tại Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Long An số tiền là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/07/2017 cụ thể như sau:

Số tiền vay: 4.500.000 đồng; Mục đích vay: tiêu dùng; Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 06/07/2017 đến ngày 06/07/2018; Lãi suất trong hạn: 10,8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Lãi trả hàng tháng, gốc cuối kỳ.

Ông Đ sử dụng thấu chi từ tháng 07/2017 với số tiền 2.446.17 đồng, đến ngày 03/11/2017 ông Đ không thanh toán cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ gốc lãi nào, mặc dù Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần, nhưng ông Đ cố tình trốn tránh không thực hiện đúng cam kết theo thỏa thuận được ký kết giữa các bên.

Do đó, Ngân hàng A yêu cầu ông Đ H Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/5/2023 là: 3.733.947 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 2.053.873 đồng, lãi 1.680.074 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Đ tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/5/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ Ngân hàng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/07/2017.

Sau khi thụ lý vụ án bị đơn ông Đ H Đ vắng mặt không lý do mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Do đó Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cũng như Giấy báo phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông P T X vắng mặt nhưng có Đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đ H Đ vắng mặt không lý do do đó Tòa án sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán **số tiền tạm tính đến** đến ngày 19/5/2023 là 3.733.947 đồng xuất phát từ Hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/7/2017 được ký kết giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[1.2] Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Thanh Xuân vắng mặt, nhưng có Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đ H Đ đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng không đến, nên Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, ông Xuân.

[1.3] Về việc người tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Ngân hàng A có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đ H Đ, nên xác định Ngân hàng A là nguyên đơn; ông Đ là bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Đ H Đ thanh toán tiền nợ gốc 2.053.873 đồng:

Căn cứ vào điểm f khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/7/2017 được ký kết hai bên có thỏa thuận: Ngân hàng có quyền chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn khi ông Đ không thanh toán lãi vay đến hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày đến hạn. Theo lời trình bày cũng như các chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định tính đến 11/2017 ông Đ còn nợ Ngân hàng số tiền vay 2.053.873 đồng và từ tháng 11/2017 cho đến nay ông Đ không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào như đã cam kết, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán tiền nợ gốc 2.053.873 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông Đ H Đ thanh toán tiền nợ lãi:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: “*Khi giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất*”, do đó lãi suất áp dụng trong tranh chấp giữa Ngân hàng A với ông Đ H Đ, sẽ áp dụng theo hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/7/2017 được ký kết giữa các bên, không theo quy định khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39-2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam có quy định: “*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận, nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/7/2017 Ngân hàng A và ông Đ có thỏa thuận lãi suất lãi chậm trả là 10%/năm phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đ thanh toán tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 1.680.074 đồng, trong đó lãi trong hạn

37.071 đồng; tiền phạt chậm trả lãi 20.387 đồng; Lãi quá hạn 1.622.616 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, Ngân hàng A và ông Đ H Đ có thỏa thuận ông Đ phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên cần buộc ông Đ tiếp tục chịu lãi kể từ 19/5/2023 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng A An.

Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc ông Đ H Đ phải thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc lãi tạm tính đến ngày 19/5/2023 là 3.733.947 đồng, trong đó gốc 2.053.873 đồng, lãi 1.680.074 đồng (lãi trong hạn 37.071 đồng; tiền phạt chậm trả lãi 20.387 đồng; Lãi quá hạn 1.622.616 đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ H Đ phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 40, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Đ H Đ.

Buộc ông Đ H Đ có nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng thương mại cổ phần A tạm tính đến ngày 19/5/2023 với số tiền 3.733.947 đồng, trong đó gốc là 2.053.876 đồng, lãi 1.680.074 đồng (lãi trong hạn 37.071 đồng; tiền phạt chậm trả lãi 20.387 đồng; Lãi quá hạn 1.622.616 đồng).

Ông Đ H Đ tiếp tục trả lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/7/2017 kể từ ngày 20/5/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/5/2023) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng ông Đ H Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số 267/17/HĐTD/1900-5923 ngày 06/7/2017 tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đ H Đ phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009451 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức.
- THA huyện Bến Lức.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hiền